

Bản án số: 153/2025/HS-PT
Ngày 11 tháng 3 năm 2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Tưu

ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Lê Tấn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 1204/2024/TLPT-HS ngày 31 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo Trần Huy L, Nguyễn Thanh B, Phạm Thị C, Nguyễn Thị Như M; Do có kháng cáo của các bị cáo Trần Huy L, Nguyễn Thanh B, Phạm Thị C, Nguyễn Thị Như M đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 240/2024/HS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2025/QĐXXPT-HS ngày 27 tháng 02 năm 2025.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Trần Huy L**, sinh năm 1960 tại Hà Tĩnh; Căn cước công dân số: 042060012641, cấp ngày 12-11-2021; nơi cư trú: Căn hộ M, Block M, chung cư H, đường N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 10/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần N (đã chết) và bà Trần Thị T (đã chết); có vợ tên Nguyễn Thị Lam G và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07-4-2021, đến ngày 21-7-2021 được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai hủy bỏ biện pháp tạm giam. Hiện bị cáo đang tại ngoại (có mặt).

2. Họ và tên: **Phạm Thị C**, sinh năm 1964 tại Nam Định; Căn cước công dân số: 036164005624, cấp ngày 02-10-2019; nơi cư trú: Số B, đường L, Phường

A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Kinh doanh xăng dầu; trình độ văn hóa (học vấn): 8/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân M1 và bà Nguyễn Thị L1; có chồng tên Đoàn Mạnh N1 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 25-3-2021, đến ngày 10-5-2021 được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai hủy bỏ biện pháp tạm giam. Hiện bị cáo đang tại ngoại (vắng mặt).

3. Họ và tên: **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1963 tại Hà Tĩnh; Căn cước công dân số: 042063000255, cấp ngày 29-3-2018; nơi đăng ký thường trú: Số C, đường B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số D, đường B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 9/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công T1 và bà Trần Thị T2 (đã chết); có vợ tên Nguyễn Thị Hồng N2 (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ, chuyển tạm giam từ ngày 01-11-2021, đến ngày 14-3-2022 được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai hủy bỏ biện pháp tạm giam. Hiện bị cáo đang tại ngoại (có mặt). 4. Họ và tên: **Nguyễn Thị Như M**, sinh năm 1968 tại Quảng Trị; Giấy chứng minh nhân dân số: 270817060, do Công an tỉnh Đ cấp ngày 16-6-2015; nơi cư trú: Số I, Tổ B, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T3 và bà Nguyễn Thị V; có chồng tên Lê Xuân T4 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 18-5-2021, đến ngày 09-3-2022 được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai hủy bỏ biện pháp tạm giam. Hiện bị cáo đang tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Huy L: Bà Nguyễn Thị Huyền T5, ông Đặng Kim C1 và ông Bùi Ngọc Hùng Đ - Luật sư thuộc Công ty L4, Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: Văn phòng A2, Tầng I, Tòa nhà C, số A đường S Xa lộ H, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh B: Ông Hoàng Như V1 - Luật sư thuộc Văn phòng L5, Đoàn luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: số A, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị C: Ông Hoàng Như V1 - Luật sư thuộc Văn phòng L5, Đoàn luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: số A, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Như M: Bà Trần Thị Mộng T6 - Luật sư thuộc Văn phòng L6, Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: số A, đường C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Lê Hùng P, Nguyễn Thăng L2 nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2019, Đào Ngọc V2, Phạm Hùng C2, Phùng Danh T7 (nguyên Đại tá, Trưởng phòng Xăng dầu Cục H5) và đối tượng T8 “dầu” (chưa rõ nhân thân lai lịch), cùng góp vốn với Phan Thanh H, để mua xăng lậu từ Singapore vận chuyển về Việt Nam tiêu thụ và ăn chia theo tỷ lệ 60% - 40%, với tổng số tiền là 53,4 tỉ đồng. Sau khi nhập lậu, số xăng nhập lậu này được chia ra nhiều nhánh tiêu thụ tại thị trường Việt Nam.

Đối với nhóm của các bị cáo Trần Huy L và đồng phạm:

1/ Bị cáo Trần Huy L:

Trần Huy L là Giám đốc Công ty P4, ngành nghề kinh doanh chính là bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, có trụ sở tại địa chỉ số C, đường N, khu phố M (P), phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đầu năm 2020, Trần Huy L gặp Lê Thanh T9, để nhờ T9 hướng dẫn, làm thủ tục cho Công ty P4 được cấp phép là thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu. Đến tháng 5-2020, L thuê của T9 một phần kho N tại huyện B, tỉnh Long An, để chứa xăng, dầu mà Công ty P4 mua từ kho Nhà Bè, đưa về Long An tiêu thụ. Quá trình thuê kho, T9 nói với L, T9 có nguồn xăng nhập lậu, nếu L mua thì T9 sẽ bán lại cho L với mức chiết khấu cao hơn mức chiết khấu của thị trường từ 200 đồng/lít đến 300 đồng/lít. Lập đã đồng ý mua xăng nhập lậu của T9, đưa về bán lẻ tại các cửa hàng xăng dầu thuộc Công ty P4 và bán lại cho các đại lý nhượng quyền của Công ty P4, thu lợi từ 100 đồng/lít đến 200 đồng/lít.

Từ tháng 7-2020, L giao cho nhân viên kinh doanh Nguyễn Hồng L3 liên hệ mua xăng của T9 và điều động các xe bồn của Công ty P4 hoặc thuê xe của các công ty, cá nhân khác, đến kho N, nhận xăng nhập lậu, vận chuyển về các cửa hàng xăng dầu thuộc Công ty P4 và các đại lý nhượng quyền bán lẻ của Công ty P4, để bán ra thị trường. Khi Công ty P4 có nhu cầu mua xăng hoặc có khách mua xăng, L3 thông báo cho Trần Minh G1 (quản lý kho N6) hoặc Dương Thị Tuyết N3 (nhân viên Công ty S) về số lượng, biển số xe hoặc họ tên lái xe. Sau khi G1 hoặc N3 xác nhận, L3 điều động xe bồn của Công ty P4 hoặc của khách hàng, đến kho N nhận xăng.

Từ tháng 9-2020, L giao cho Trần Anh T10 (Phó Giám đốc Công ty P4) trực tiếp liên hệ đặt mua xăng nhập lậu và thanh toán với Lương Đình T11. Khi xăng tồn kho sắp hết, L3 báo cho T10, để T10 liên hệ với Lương Đình T11, thống nhất giá chiết khấu và số lượng xăng nhập lậu đặt mua. T11 lấy thông tin về số lượng, giá chiết khấu từ Nguyễn Hữu H1 rồi trao đổi thống nhất với T10; T10 báo cho L3, để điều động xe bồn đến kho nhận xăng lậu. Việc thanh toán tiền mua xăng nhập lậu do Trần Anh T10 thanh toán bằng tiền mặt hoặc thông báo cho Nguyễn Thị T12 (kế toán tổng hợp của Công ty P4) biết; sau đó, T12 báo lại cho Trần Nguyễn Anh N4 (con gái của Trần Huy L) là nhân viên kiểm soát nội bộ, sử dụng tài khoản cá nhân của N4, chuyển tiền thanh toán mua xăng nhập lậu vào tài khoản cá nhân của Lương Đình T11 như đã nêu trên (bút lục số 18.258-18.276,

21.911-21.916, 21.918-21.923).

Từ ngày 22-7-2020 đến ngày 05-02-2021, Trần Huy L đã sử dụng 03 (ba) xe bồn của Công ty P4, gồm: Biển số 51D-643.95, biển số 51D-367.16 và biển số 51D-432.66, vận chuyển 1.336.000 lít xăng nhập lậu mua của Lê Thanh T9 từ kho N6, về bán lẻ tại các cửa hàng xăng dầu thuộc Công ty P4. Thuê xe bồn của các công ty, cá nhân khác, vận chuyển 5.279.000 lít xăng nhập lậu bán cho khách hàng là các đại lý nhượng quyền thuộc Công ty P4. Tổng số lượng xăng Ron 95 nhập lậu Trần Huy L đã mua của Lê Thanh T9 và bán ra thị trường là 6.615.000 lít (bút lục số 1.351-1.352, 1.503-1.508, 13.605-13.608, 18.258-18.276, 20.359-20.374, 20.425-20.458, 20.461-20.464).

Căn cứ Kết luận định giá số 8597, xác định: Tổng trị giá hàng phạm pháp đối với số lượng xăng Ron 95 nhập lậu mà Trần Huy L phải chịu trách nhiệm là: $6.615.000 \text{ lít} \times 13.755,5 \text{ đồng/lít}$ (lấy mức giá bán buôn thấp nhất của P1 tại tỉnh Vĩnh Long thời điểm từ tháng 7-2020 đến đầu tháng 02-2021) = 90.992.632.500 đồng (bút lục số 21817-21821).

2. Bị cáo Phạm Thị C:

Phạm Thị C là Giám đốc Công ty TNHH T21 (sau đây, viết tắt là Công ty T21), chuyên kinh doanh trong lĩnh vực xăng, dầu; có trụ sở tại địa chỉ số B, đường H, Khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ ngày 27-7-2020 đến ngày 04-02-2021, Phạm Thị C đã mua của vợ chồng Võ Thanh B1 và Nguyễn Thanh T13 4.281.000 lít xăng Ron 95 nhập lậu và sử dụng 03 xe bồn, biển số 51C-586.54, 51C-106.66 và 51C-367.73 của Công ty T21 và Công ty TNHH T21 (cùng địa chỉ Công ty T21), vận chuyển từ kho N thuộc huyện B, tỉnh Long An, đưa về 04 cửa hàng xăng dầu của Phạm Thị C tại huyện B và huyện C, thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, để bán lẻ ra thị trường. Ngoài ra, Phạm Thị C còn mua và thuê Võ Thanh B1 vận chuyển 1.638.000 lít xăng Ron 95 nhập lậu từ kho N, đưa về các cửa hàng xăng dầu của C nêu trên, để bán lẻ ra thị trường. Tổng cộng, Phạm Thị C đã mua xăng Ron 95 nhập lậu của Võ Thanh B1 và Nguyễn Thanh T13, với số lượng 5.919.000 lít (bút lục số 11.388-11.420).

Căn cứ Kết luận định giá số 8597, xác định: Số lượng xăng Ron 95 nhập lậu mà Phạm Thị C đã tiêu thụ, có tổng trị giá hàng phạm pháp là: $5.919.000 \text{ lít} \times 13.755,5 \text{ đồng/lít}$ (lấy mức giá bán buôn thấp nhất của P1 tại tỉnh Vĩnh Long thời điểm từ tháng 7-2020 đến đầu tháng 02-2021) = 81.418.804.500 đồng (bút lục số 21.817-21.821, 25.122-25.124).

Về số tiền thu lợi bất chính: Quá trình tiêu thụ 5.919.000 lít xăng nhập lậu, Phạm Thị C thu lợi số tiền 12.630.100.000 đồng; sau khi trừ đi các khoản chi phí, gồm: Chi phí vận chuyển, chi phí hao hụt và một số chi phí khác là 2.872.396.588 đồng; Phạm Thị C thu lợi bất chính số tiền 9.757.703.412 đồng (bút lục số 11.401-11.402, 25.122-25.124).

Quá trình điều tra, gia đình Phạm Thị C đã tự nguyện nộp thay cho bị cáo số tiền 12.500.000.000 đồng, để khắc phục số tiền thu lợi bất chính nêu trên. Ngoài

ra, quá trình khám xét chỗ ở và chỗ làm việc của Phạm Thị C, Cơ quan điều tra còn tạm giữ số tiền 640.908.000 đồng. Tổng cộng là 13.140.908.000 đồng (bút lục số 11.448-11.461, 25.122-25.124).

3. Bị cáo Nguyễn Thanh B

Nguyễn Thanh B, Giám đốc Công ty B4, chuyên kinh doanh xăng, dầu, có trụ sở tại địa chỉ số A, đường N, Khu phố E, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cuối năm 2019, B được Nguyễn Văn C3 (là anh ruột của B; đồng thời, là người điều hành kinh doanh xăng dầu Công ty H6 ở tỉnh Kiên Giang) giới thiệu nguồn xăng nhập lậu mua của Nguyễn Hữu T14 tại tỉnh Long An và tỉnh Vĩnh Long, có giá chiết khấu cao hơn giá thị trường. Cầu cho B số điện thoại của T14, để liên lạc với T14 khi cần mua xăng.

Đầu tháng 3-2020, Nguyễn Thanh B liên lạc với Nguyễn Hữu T14, hỏi mua xăng nhập lậu không có hóa đơn, chứng từ của T14 tại kho N (huyện B, tỉnh Long An) và được T14 đồng ý. Khi có nhu cầu mua xăng nhập lậu, B trực tiếp điện thoại cho T14, để đặt hàng và giao cho Nguyễn M2 (M2 là anh rể của B và được B giao quản lý cửa hàng xăng dầu của B) điều động lái xe tên Trần Văn P2, điều khiển xe bồn biển số 51C-830.70, đến kho N nhận xăng nhập lậu, đưa về cửa hàng X, dầu thuộc Công ty B4, để bán. Thời gian sau, B hướng dẫn và giao cho Nguyễn Minh trực T15 liên hệ, đặt mua xăng lậu của Nguyễn Hữu T14, thông qua Nguyễn Tiến D.

Việc thanh toán tiền mua, bán xăng cho Nguyễn Hữu T14: Nguyễn Thanh B sử dụng tài khoản số 01403816868 của B và tài khoản số 18393863839 của Đinh Văn Đ1 (lái xe riêng của B), mở tại Ngân hàng S1, để chuyển khoản thanh toán; hoặc giao cho Nguyễn Minh N5 tiền mặt trực tiếp vào các tài khoản của Nguyễn Hữu T14, số 070076421399 và số 070112204375 mở tại Ngân hàng S1, tài khoản số 73010001348050 mở tại Ngân hàng B5, để thanh toán tiền mua xăng của T14. Từ tháng 7-2020, Phan Lê Hoàng A trực tiếp đến trụ sở Công ty B4 của B, gặp Nguyễn M2, để thu tiền bán xăng nhập lậu.

Từ đầu tháng 3-2020 đến cuối tháng 5-2020, Nguyễn Thanh B giao cho Nguyễn M2 điều động xe bồn biển số 51C-830.70, đến kho N6 để mua 734.663 lít xăng nhập lậu của Nguyễn Hữu T14, có tổng trị giá hàng phạm pháp là 734.663 lít x 10.633,7 đồng/lít (lấy mức giá bán buôn thấp nhất của P1 tại tỉnh Vĩnh Long thời điểm từ tháng 3-2020 đến tháng 5-2020 trong Kết luận định giá số 8597) = 7.812.185.943 đồng. Số xăng này, Nguyễn Thanh B2 lại cho người khác và bán lẻ tại cửa hàng X, dầu của B. Căn cứ vào lời khai của Nguyễn Thanh B và Nguyễn M2, cùng tài liệu sao kê tài khoản ngân hàng, thể hiện: Từ ngày 02-3-2020 đến ngày 22-5-2020, Nguyễn Thanh B, Nguyễn M2 và Đinh Văn Đ1, đã chuyển khoản thanh toán cho Nguyễn Hữu T14 số tiền là 9.417.072.000 đồng (bút lục số 1.843-1.844, 21.817-21.821).

Từ ngày 22-7-2020 đến ngày 31-01-2021, Nguyễn Thanh B tiếp tục giao cho Nguyễn M2 điều động xe bồn nêu trên, đến mua xăng nhập lậu tại kho N của

Nguyễn Hữu T14, với số lượng 1.660.000 lít, có tổng trị giá hàng phạm pháp là 1.660.000 lít x 13.755,5 đồng/lít (lấy mức giá bán buôn thấp nhất của P1 tại tỉnh Vĩnh Long thời điểm từ tháng 3-2020 đến tháng 5-2020 trong Kết luận định giá số 8597) = 22.834.130.000 đồng, đưa về bán lẻ tại cây xăng của B ở địa chỉ trên (bút lục số 4.729-4.792, 4.860-4.917 và 21.817-21.821).

Tổng kết lại, từ đầu tháng 3-2020 đến ngày 31-01-2021, Nguyễn Thanh B đã giao cho Nguyễn M2 điều động xe bồn biển số 51C-830.70, đến kho N6 mua xăng Ron 95 nhập lậu của Nguyễn Hữu T14, đưa về bán lẻ tại cửa hàng xăng, dầu của B và bán lại cho các khách hàng khác, với tổng số lượng là 2.394.663 lít, có tổng trị giá hàng phạm pháp mà Nguyễn Thanh B và Nguyễn Minh P3 chịu trách nhiệm là 30.646.315.943 đồng.

Từ tháng 3-2020 đến tháng 5-2020, Nguyễn Thanh B thu lợi từ hành vi mua bán 734.663 lít xăng nhập lậu là 375.563.000 đồng; từ tháng 7-2020 đến tháng 02-2021, Nguyễn Thanh B thu lợi từ hành vi mua bán 1.660.000 lít xăng nhập lậu là 3.629.300.000 đồng; tổng số tiền thu lợi là 4.004.863.000 đồng. Sau khi trừ các khoản chi phí hợp lý, gồm: Chi phí vận chuyển, chi phí hao hụt và chi phí nhân công là 895.537.877 đồng; Nguyễn Thanh B còn thu lợi bất chính số tiền 3.109.325.123 đồng (bút lục số 24.903-24.913).

Quá trình điều tra, Nguyễn Thanh B và gia đình đã tự nguyện giao nộp số tiền 2.100.000.000 đồng; gia đình Nguyễn M2 tự nguyện giao nộp số tiền 110.000.000 đồng; để khắc phục số tiền thu lợi bất chính nêu trên mà các bị can B và M2 đã hưởng lợi (bút lục số 25.749, 24.903-24.913).

Trong thời gian giải quyết tại Tòa án (lần sơ thẩm thứ nhất), bị cáo Nguyễn Thanh B đã tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính còn lại, với số tiền 1.009.325.123 đồng.

4. Bị cáo Lê Hùng P:

Lê Hùng P là Giám đốc Công ty T22, chuyên kinh doanh trong lĩnh vực xăng, dầu, có trụ sở tại địa chỉ số A, Ấp A, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đầu năm 2020, thông qua Nguyễn Thế A1 (nguyên Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh K và là em vợ của P) giới thiệu, Phan Thanh H đã đồng ý và chỉ đạo Nguyễn Hữu T14 bán xăng nhập lậu của H và T14 tại kho N (huyện B, tỉnh Long An) cho Lê Hùng P.

Khi có nhu cầu mua xăng, Lê Hùng P đã sử dụng xe bồn, đến kho N mua xăng Ron 95 nhập lậu của Nguyễn Hữu T14; sau đó, Lê Hùng P đưa xăng về, bán lại cho một số khách hàng vắng lai và bán lẻ tại các cây xăng của P.

Từ đầu tháng 3-2020 đến cuối tháng 5-2020, Lê Hùng P đã sử dụng xe bồn của P biển số 51D - 113.46, đến kho N6 mua số lượng 659.608 lít xăng Ron 95 nhập lậu của Nguyễn Hữu T14, có tổng trị giá hàng phạm pháp là 659.608 lít x 10.633,7 đồng/lít (lấy mức giá bán buôn thấp nhất của P1 tại tỉnh Vĩnh Long thời điểm từ tháng 3-2020 đến tháng 5-2020 trong Kết luận định giá số 8597) =

7.014.073.590 đồng. Số xăng này, Lê Hùng P đưa về bán lại cho một số khách hàng vắng lai và bán lẻ tại các cây xăng của P tại phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; tại xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Căn cứ vào lời khai nhận của Lê Hùng P và tài liệu sao kê tài khoản ngân hàng, thể hiện: Từ ngày 02-3-2020 đến ngày 26-5-2020, Lê Hùng P đã chuyển khoản trả tiền mua xăng nhập lậu cho Nguyễn Hữu T14, với số tiền 8.455.000 đồng (bút lục số 1.848, 21.817-21.821, 24.922-24.935).

Từ ngày 19-8-2020 đến ngày 23-01-2021, P tiếp tục sử dụng xe bồn biển số 51D - 113.46, đến kho N mua xăng nhập lậu của Nguyễn Hữu T14, với số lượng 600.000 lít, có tổng trị giá hàng phạm pháp là 600.000 lít x 13.755,5 đồng/lít (lấy mức giá bán buôn thấp nhất của P1 tại tỉnh Vĩnh Long thời điểm từ tháng 7-2020 đến tháng 02-2021 trong Kết luận định giá số 8597) = 8.253.300.000 đồng, đưa về tại các cây xăng của P ở Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An nêu trên, để bán lẻ cho người tiêu dùng (bút lục số 4.343-4.394, 21.817-21.821).

Tổng số lượng xăng Ron 95 nhập lậu Lê Hùng P đã mua của Nguyễn Hữu T14 từ đầu tháng 3-2020 đến đầu tháng 02-2021 là 1.259.608 lít, có tổng trị giá hàng phạm pháp là 15.267.373.590 đồng.

Từ tháng 3-2020 đến tháng 5-2020, Lê Hùng P thu lợi từ hành vi bán 659.608 lít xăng nhập lậu số tiền là 366.529.600 đồng; từ tháng 7-2020 đến tháng 02-2021, P thu lợi từ hành vi bán 600.000 lít xăng nhập lậu số tiền là 1.274.000.000 đồng; tổng số tiền thu lợi là 1.640.529.600 đồng. Sau khi trừ các khoản chi phí hợp lý, gồm: Chi phí vận chuyển, chi phí hao hụt và chi phí nhân công là 353.923.350 đồng; Lê Hùng P còn thu lợi bất chính số tiền 1.286.606.250 đồng (bút lục số 24.922-24.935).

Quá trình điều tra, gia đình Lê Hùng P đã tự nguyện nộp số tiền 700.000.000 đồng; Lê Hùng P tự nguyện dùng số tiền 126.435.000 đồng mà Cơ quan điều tra thu giữ trong quá trình khám xét, để khắc phục một phần số tiền thu lợi bất chính nêu trên. Tổng cộng là 826.435.000 đồng (bút lục số 24.922-24.935). Trong thời gian giải quyết tại Tòa án (lần sơ thẩm thứ nhất), bị cáo Lê Hùng P đã tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính còn lại, với số tiền 460.171.250 đồng.

5. Bị cáo Nguyễn Thị Như M:

Nguyễn Thị Như M là Giám đốc Công ty TNHH V3 (sau đây, viết tắt là Công ty V3), chuyên kinh doanh trong lĩnh vực xăng, dầu; có trụ sở tại địa chỉ: số H, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Từ ngày 14-9-2020 đến giữa tháng 10-2020, Nguyễn Thị Như M đã mua và thuê vợ chồng Võ Thanh B1 - Nguyễn Thanh T13, vận chuyển 294.000 lít xăng Ron 95 nhập lậu từ kho N thuộc B, tỉnh Long An, đưa về cửa hàng xăng dầu của Nguyễn Thị Như M ở phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, để bán ra thị trường.

Từ ngày 15-10-2020 đến ngày 01-02-2021, Nguyễn Thị Như M đã mua của Võ Thanh B1 và Nguyễn Thanh T13, với số lượng 906.000 lít xăng Ron 95 nhập lậu. Nguyễn Thị Như M sử dụng xe bồn biển số 60C-523.80 của Công ty V3, vận

chuyển xăng từ kho N ở huyện B, tỉnh Long An, đưa về cửa hàng xăng dầu của Mỹ ở phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, để bán ra thị trường.

Tổng cộng, Nguyễn Thị Như M đã mua 1.200.000 lít xăng Ron 95 nhập lậu của Võ Thanh B1 và Nguyễn Thanh T13, có tổng trị giá hàng phạm pháp là: 1.200.000 lít x 13.817,1 đồng/lít (lấy mức giá bán buôn thấp nhất của P1 tại tỉnh Vĩnh Long thời điểm từ tháng 7-2020 đến đầu tháng 02-2021 trong Kết luận định giá số 8597) = 16.580.520.000 đồng (bút lục số 21.817-21.821, 23.616-23.617).

Về số tiền thu lợi bất chính: Quá trình tiêu thụ 1.200.000 lít xăng nhập lậu, Nguyễn Thị Như M đã thu lợi từ 1.400 đồng/lít đến 2.200 đồng/lít. Tổng số tiền thu lợi là 2.591.300.000 đồng; sau khi trừ các khoản chi phí hợp lý, gồm: Chi phí vận chuyển, chi phí hao hụt và một số chi phí khác là 702.799.000 đồng; Nguyễn Thị Như M còn thu lợi bất chính số tiền 1.888.501.000 đồng (bút lục số 23.664a, 23.616-23.617).

Quá trình điều tra, gia đình Nguyễn Thị Như M đã tự nguyện nộp số tiền 980.000.000 đồng, để nộp lại một phần số tiền thu lợi bất chính nêu trên. Khám xét chỗ ở và nơi làm việc của Mỹ, Cơ quan điều tra còn tạm giữ của bị cáo 97.020.000 đồng; Nguyễn Thị Như M đồng ý chuyển số tiền tạm giữ này sang khắc phục số tiền thu lợi bất chính. Nguyễn Thị Như M đã nộp tổng cộng số tiền 1.077.020.000 đồng (bút lục số 23.616-23.617). Trong thời gian giải quyết tại Tòa án (sơ thẩm lần thứ nhất), bị cáo Nguyễn Thị Như M đã tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính còn lại, với số tiền 811.481.000 đồng.

6. Bị cáo Nguyễn Thăng L2:

Nguyễn Thăng L2 là Giám đốc Công ty TNHH X1 (sau đây, viết tắt là Công ty X1), chuyên kinh doanh trong lĩnh vực xăng, dầu; có trụ sở tại địa chỉ Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Quá trình kinh doanh xăng dầu, Nguyễn Thăng L2 quen biết với vợ chồng Võ Thanh B1 và Nguyễn Thanh T13.

Khoảng đầu tháng 7-2020, Nguyễn Thăng L2 được vợ chồng Võ Thanh B1 và Nguyễn Thanh T13 giới thiệu có nguồn xăng nhập lậu, không có hóa đơn, chứng từ tại kho N thuộc huyện B, tỉnh Long An; nếu L2 mua thì B1 - T13 sẽ bán lại với giá thấp hơn giá thị trường từ 200 đồng/lít đến 300 đồng/lít. L2 đồng ý mua xăng nhập lậu của vợ chồng B1 - T13, để đưa về bán lẻ tại các cửa hàng xăng dầu thuộc Công ty X1 của L2, tại các xã B, C và Đồi 61, thuộc huyện T, tỉnh Đồng Nai. L2 cũng bán lại cho các cửa hàng xăng dầu của các bị cáo Bùi Ngọc T16 ở huyện T và Lại Văn Q ở huyện T, tỉnh Đồng Nai, để kiếm lời (bút lục số 13.009, 13.011, 13.015-13.021, 12.662-12.670, 12.673-12.677, 12.813-12.860, 12.686-12.690, 12.703-12.706, 12.714-12.720, 12.722-12.726, 12.728-12.742).

Giai đoạn từ ngày 22-7-2020 đến ngày 03-02-2021, Nguyễn Thăng L2 đã mua xăng Ron 95 nhập lậu của vợ chồng Võ Thanh B1 và Nguyễn Thanh T13 tại kho N, huyện B, tỉnh Long An, với tổng số lượng 1.284.000 lít (bút lục số 13.029-13.061); trong đó:

- Về vận chuyển: Phạm Đức trực tiếp điều khiển xe ô tô biển số 60C-

355.64 và xe đầu kéo biển số 60C-279.76, kéo sơ-mi rơ-moóc biển số 60R-019.45, vận chuyển số lượng 1.183.000 lít. Nguyễn Thăng L2 thuê Võ Thanh B1 vận chuyển số lượng 101.000 lít.

- Nguyễn Thăng L2 đưa về bán lẻ tại các cửa hàng xăng dầu của L2 số lượng 1.107.000 lít;

- Nguyễn Thăng L2 bán cho Bùi Ngọc T16 số lượng 167.000 lít;

- Nguyễn Thăng L2 bán cho Lại Văn Q số lượng 10.000 lít.

Khoảng 21 giờ ngày 06-02-2021, Phạm Đ2 điều khiển xe đầu kéo biển số 60C-279.76, kéo sơ-mi rơ-moóc biển số 60R-019.45, vận chuyển 28.000 lít xăng nhập lậu từ kho N, khi về đến khu vực Cầu Đ thì bị Công an tỉnh Đ kiểm tra, phát hiện và thu giữ. Cơ quan điều tra đã niêm phong tang vật đối với 28.000 lít xăng nhập lậu trên trong bể chứa của Cửa hàng X2, thuộc Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai để chờ xử lý (bút lục số 12.990-12.996).

Tổng số lượng xăng nhập lậu Nguyễn Thăng L2 mua của vợ chồng B1 - T13 là 1.312.000 lít, có trị giá hàng phạm pháp được xác định là: 1.312.000 lít x 13.755,5 đồng/lít (lấy mức giá bán buôn thấp nhất của P1 tại tỉnh Vĩnh Long thời điểm từ tháng 7-2020 đến đầu tháng 02-2021 trong Kết luận định giá tài sản số 8597/STC-HĐGTSTTHS) = 18.047.216.000 đồng (BL 21817-21821). Nguyễn Cao Ngọc T17 đã giúp sức cho Nguyễn Thăng L2 mua bán 1.312.000 lít xăng nhập lậu, có tổng giá trị hàng phạm pháp là 18.047.216.000 đồng. Phạm Đ2 giúp sức cho Nguyễn Thăng L2 vận chuyển 1.211.000 lít xăng nhập lậu, có tổng trị giá hàng phạm pháp là 16.657.910.500 đồng (bút lục số 21.817-21.821, 12.813-12.861, 13.153-13.198, 13.029-13.061, 25.101-25.102, 25.103-25.105).

Quá trình mua bán 1.312.000 lít xăng nhập lậu, Nguyễn Thăng L2 hưởng lợi từ 1.300/lít - 2.600 đồng/lít xăng lậu, thu lợi số tiền 2.788.250.000 đồng; sau khi trừ các khoản chi phí vận chuyển, hao hụt và một số chi phí khác là 829.154.784 đồng; Nguyễn Thăng L2 còn thu lợi bất chính số tiền 1.959.095.216 đồng (bút lục số 25.101-25.102, 25.103-25.105).

Quá trình điều tra, gia đình Nguyễn Thăng L2 đã tự nguyện nộp thay cho bị cáo số tiền 2.500.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra, để nộp lại số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã hưởng lợi nêu trên (bút lục số 13.152, 13.028).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 240/2024/HS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Huy L, Nguyễn Thanh B, Phạm Thị C, Nguyễn Thị Như M, Nguyễn Thăng L2 phạm tội “Buôn lậu”.

Áp dụng điểm a, b khoản 4, 5 Điều 188; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54; Điều 58; Điều 38 và khoản 2, Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Huy L, Phạm Thị C, Lê Hùng P, Nguyễn Thị Như M.

Xử phạt bị cáo Trần Huy L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 07/4/2021 đến ngày 21/7/2021.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị C 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 25/3/2021 đến ngày 10/5/2021.

Xử phạt bị cáo Lê Hùng P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 28/3/2021 đến ngày 17/6/2022.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Như M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 18/5/2021 đến ngày 09/3/2022.

Áp dụng điểm a, b khoản 4, 5 Điều 188; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54; Điều 58; Điều 38 và khoản 2, Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thăng L2:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B 01 (một) năm 11 (mười một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 01/11/2021 đến ngày 14/3/2022.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thăng L2 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 08/02/2021 đến ngày 28/9/2022.

Về hình phạt bổ sung: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/11/2024, bị cáo Trần Huy L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21/11/2024, bị cáo bị cáo Nguyễn Thanh B và bị cáo Phạm Thị C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 29/11/2024, bị cáo bị cáo Nguyễn Thị Như M và bị cáo Nguyễn Thăng L2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 04/12/2024, bị cáo Nguyễn Thăng L2 có đơn xin rút đơn kháng cáo. Ngày 27/02/2025, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 05/2025/HSPT-QĐ đối với bị cáo Nguyễn Thăng L2.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo về hình thức đúng quy định pháp luật, về thời gian đúng thời gian quy định nên đơn kháng cáo hợp lệ.

Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra và các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: bị cáo Trần Huy L là Giám đốc Công ty P4, ngành nghề kinh doanh chính là bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Từ ngày 22/01/2020 đến ngày 05/02/2021, bị cáo Trần Huy L đã dùng xe bồn của công ty và thuê xe bồn của các công ty, cá nhân khác để mua xăng Ron 95 của Lê Thanh T9 từ kho N về huyện B, tỉnh Long An với số lượng 6.615.000 lít, trị giá trên 90 tỷ đồng; sau đó, bán ra thị trường, thu lợi bất chính 2.491.710.442 đồng. Bị cáo Phạm Thị C là Giám đốc Công ty TNHH T21 chuyên kinh doanh trong lĩnh vực xăng dầu. Từ ngày 27/7/2020 đến ngày 04/02/2021, bị cáo Phạm Thị C đã mua xăng Ron 95 nhập lậu của vợ chồng Võ Thanh B1 và Nguyễn Thanh T13 với số lượng trên 5.000.000 lít, bán ra thị trường thu lợi bất chính trên 09 tỷ đồng. Bị cáo Nguyễn Thanh B là Giám đốc Công ty B4, chuyên kinh doanh xăng dầu. Từ tháng 3/2020 đến ngày 31/01/2021, bị cáo Nguyễn Thanh B đã mua xăng Ron 95 nhập lậu của Nguyễn Hữu T14 với số lượng trên 02 triệu lít, trị giá trên 30 tỷ đồng, bán ra thị trường, thu lợi bất chính trên 03 tỷ đồng. Bị cáo Nguyễn Thị Như M là Giám đốc Công ty TNHH V3, chuyên kinh doanh trong lĩnh vực xăng dầu. Từ ngày 14/9/2020 đến ngày 01/02/2021, bị cáo Nguyễn Thị Như M đã mua của Võ Thanh B1 và Nguyễn Thanh T13 với số lượng 1.200.000 lít xăng Ron 95, trị giá trên 16 tỷ đồng, bán ra thị trường, thu lợi bất chính 1,8 tỷ đồng. Với các hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Huy L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, Nguyễn Thanh B 01 (một) năm 11 (mười một) tháng tù, Phạm Thị C 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, Nguyễn Thị Như M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Buôn lậu” theo quy định tại Điều 188 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, tuyên hình phạt đối với các bị cáo là đã rất nhẹ so với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Bùi Ngọc Hùng Đ bào chữa cho bị cáo Trần Huy L trình bày:

Thứ nhất, về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Tại trang 16 và trang 17 Bản án sơ thẩm khi phân hóa vai trò của các bị cáo trong toàn bộ vụ án thì Tòa cấp sơ thẩm đã nhận định bị cáo Trần Huy L thuộc nhóm thứ tư, là nhóm các bị cáo không trực tiếp buôn lậu, không bàn bạc, hứa hẹn về việc buôn lậu. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm còn thiếu sót khi không đánh giá bị cáo L chỉ là đồng phạm giúp sức giản đơn, có vị trí thứ yếu, vai trò không đáng kể trong vụ án. Một là, hành vi của bị cáo diễn ra từ tháng 7/2020 đến tháng 02/2021, trong bối cảnh thị trường xăng dầu bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19, thiếu hụt nghiêm trọng nguồn cung, dẫn đến tâm lý chủ quan, thiếu cẩn trọng trong việc xác minh nguồn gốc xăng. Lỗi của bị cáo L là không tìm hiểu kỹ về nguồn gốc xăng trước khi

quyết định mua, do đó, lỗi của bị cáo L chỉ là lỗi cố ý gián tiếp. Hai là, cũng chính bởi áp lực nguồn cung khan hiếm mà mục đích chính của bị cáo khi nhập xăng chỉ nhằm duy trì hoạt động kinh doanh, đảm bảo sản lượng bán ra theo yêu cầu của Bộ C5, chứ không phải với mục đích chính là thu lợi bất chính, điều này thể hiện qua việc bị cáo chỉ cung cấp xăng không xác minh rõ nguồn gốc cho những cửa hàng xăng dầu, đại lý nhượng quyền thuộc Công ty P4 chứ không cung cấp cho bất kể đối tượng nào khác ở bên ngoài. Ba là, xét về mặt số lượng thì hành vi giúp sức của bị cáo cũng là không đáng kể trong vụ án. Bởi lẽ số lượng xăng bị cáo mua từ bị cáo T9 6.615.000 lít chỉ chiếm một phần rất nhỏ chưa tới 1/30 trên tổng số 203 triệu lít xăng nhập lậu trong vụ án.

Thứ hai, về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Một là, bị cáo L phạm tội lần đầu và mặc dù bị cáo L phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nhưng bị cáo chỉ là đồng phạm giúp sức có vị trí, vai trò thứ yếu, không đáng kể như đã phân tích bên trên, nên theo hướng dẫn tại Mục 4 Phần I Văn bản số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo thuộc trường hợp được hưởng tình tiết “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hai là, bị cáo Trần Huy L đã được Chủ tịch UBND Thành phố H tặng thưởng Bằng khen vì đã có thành tích tích cực trong công tác bàn giao mặt bằng góp phần thực hiện hoàn thành dự án đường dẫn vào bến phà C C. Bằng khen đã có trong hồ sơ vụ án thể hiện tại BL 18311. Do đó, theo hướng dẫn tại Mục 5 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/08/2000 và tại Mục 6.2.1.20 Sổ tay Thẩm phán cập nhật tháng 03/2023 thì: Với việc được tặng thưởng bằng khen này, bị cáo Trần Huy L đủ điều kiện để được hưởng tình tiết “Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong công tác” theo điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ ghi nhận đây là tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như vậy là chưa chính xác. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận lại cho bị cáo tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ mới cho bị cáo.

Trên cơ sở những nội dung đã phân tích, trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét một cách khách quan, toàn diện đối với bị cáo Trần Huy L như sau: Một là, bị cáo Trần Huy L là người có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; bị cáo có công ăn việc làm ổn định và có nơi cư trú rõ ràng. Hai là, bị cáo Trần Huy L chỉ là người giúp sức trong vụ án đồng phạm với vị trí thứ yếu và vai trò không đáng kể như phân tích nêu trên. Ba là, mặc dù bị cáo Trần Huy L có 01 tình tiết tăng nặng nhưng có đến 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là điểm s, điểm i, điểm v và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận như: Tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính; Có cha, mẹ là người có công lớn với cách mạng được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất, hạng Nhì; có anh ruột là liệt sĩ.

Trên cơ sở những nội dung đã phân tích, trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc cho trường hợp: Bị cáo Trần Huy L có đủ điều kiện để được

hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, được hướng dẫn cụ thể tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 (sửa đổi bổ sung bởi Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022) của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm s, i, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự để tuyên sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt chính và cho hưởng án treo đối với bị cáo Trần Huy L, qua đó thể hiện sự khoan hồng, nhân văn của pháp luật.

Luật sư Đặng Kim C1 bào chữa cho bị cáo Trần Huy L trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc áp dụng hình phạt chính đối với bị cáo Trần Huy L là hình phạt tiền. Mặc dù Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Quyết định Giám đốc thẩm theo hướng không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo. Tuy nhiên, với vị trí, vai trò trong đồng phạm và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bổ sung của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay thì việc nhận định bị cáo không đủ điều kiện áp dụng hình phạt tiền là không thỏa đáng, không phù hợp với nguyên tắc cốt lõi về xử lý tội phạm, cá thể hóa trách nhiệm hình sự trong đồng phạm.

Thứ nhất, bị cáo L đủ điều kiện được áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự bởi vì bị cáo L phạm tội lần đầu là người giúp sức với vai trò không đáng kể và có 03 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm s, điểm i và điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Thứ hai, bị cáo L hoàn toàn đủ điều kiện để được áp dụng hình phạt tiền theo Điều 35 Bộ luật Hình sự bởi vì theo hướng dẫn tại Mục 4 Phần I Văn bản 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/04/2017: “Phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây: Phạm tội gây nguy hại không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến ba năm tù; Phạm tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nhưng người phạm tội có vị trí, vai trò thứ yếu, không đáng kể trong vụ án có đồng phạm”. Mặc dù bị cáo Trần Huy L bị truy tố về tội danh đặc biệt nghiêm trọng theo quy định tại khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự với vai trò đồng phạm nhưng bị cáo L chỉ có vị trí, vai trò thứ yếu, không đáng kể trong vụ án này, do đó, bị cáo L phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Điều 35 Bộ luật Hình sự quy định phạt tiền được áp dụng đối với các trường hợp: người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng; người phạm tội rất nghiêm trọng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế. Như vậy, rõ ràng rằng, vì bị cáo L chỉ phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do đó việc áp dụng hình phạt tiền với bị cáo L là phù hợp với quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự và hướng dẫn tại Văn bản 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/04/2017 của Tòa án nhân dân tối cao.

Thứ ba, về điều kiện để áp dụng hình phạt tiền theo quy định của Điều 35 Bộ luật Hình sự như sau: Nếu hiểu điều kiện để áp dụng hình phạt tiền tại Điều 35 Bộ luật Hình sự theo hướng chỉ người phạm tội rất nghiêm trọng trở xuống mới đủ điều kiện phạt tiền thì sẽ dẫn đến trường hợp: người phạm tội với vai trò

chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy mà phạm tội rất nghiêm trọng thì có thể vẫn được phạt tiền; trong khi người phạm tội có vị trí, vai trò thứ yếu, không đáng kể trong vụ án đặc biệt nghiêm trọng thì không thể được phạt tiền cho dù người phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo đúng hướng dẫn tại Mục 4 Phần I Văn bản 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/04/2017 của Tòa án nhân dân tối cao. Điều này là không phù hợp với 02 nguyên tắc: xử lý tội phạm theo hướng nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy theo điểm c khoản 1 Điều 3 Bộ luật Hình sự nhưng đồng thời khi quyết định hình phạt đối với những người đồng phạm phải xét đến tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Thứ tư, về nhận định cho rằng việc phạt tiền đối với bị cáo L trong khi các bị cáo là nhân viên của L bị phạt tù là chưa đảm bảo nguyên tắc phân hoá, phân loại khi xử lý tội phạm có đồng phạm và không công bằng. Luật sư không đồng ý với nhận định này. Vì lẽ, không thể coi một cách giản đơn rằng cứ phạt tù là nặng hơn phạt tiền mà việc phân biệt hình phạt nặng hơn phải dựa theo khung hình phạt tại các khoản trong điều luật, cụ thể là Điều 188 Bộ luật Hình sự cho phép việc lựa chọn áp dụng giữa hình phạt tiền và hình phạt tù đối với các khoản 1, khoản 2, khoản 3: “Khoản 1: phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm; Khoản 2: phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm; Khoản 3: phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 07 năm đến 15 năm”. Tại Bản án hình sự sơ thẩm lần đầu là Bản án số 155/2022/HS-ST ngày 08/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, Tòa cấp sơ thẩm đã phân hóa bị cáo L thuộc nhóm thứ tư, nghĩa là nhóm các bị cáo không trực tiếp buôn lậu, không bàn bạc, hứa hẹn về việc buôn lậu. Bị cáo L có hai nhân viên dưới quyền là Nguyễn Hồng L3 và Trần Anh T10 bị tuyên với mức phạt tù bằng thời gian tạm giam 09 tháng 23 ngày, nghĩa là bị tuyên phạt ở mức gần đầu khung tại khoản 1, Điều 188 Bộ luật Hình sự trong khi, bản thân bị cáo L bị tuyên phạt 05 tỷ đồng, nghĩa là bị tuyên ở mức cuối khung tại khoản 3, Điều 188 Bộ luật Hình sự, ngoài ra bị cáo L cũng đã bị tạm giam 3 tháng 15 ngày. Như vậy, rõ ràng bị cáo L đã phải chịu hình phạt ở mức cao hơn nhiều so với 02 nhân viên dưới quyền mình, chứ không phải hình phạt tiền của bị cáo L là nhẹ hơn so với hình phạt tù của 02 nhân viên dưới quyền như nhận định trong Quyết định Giám đốc thẩm số 13/2024/HS-GĐT ngày 17/6/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Việc Tòa án cấp sơ thẩm lần 1 áp dụng hình phạt tiền thay vì phạt tù là có xét đến tình hình tài sản của người phạm tội theo nguyên tắc được quy định tại khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự. Nguyễn Hồng L3 và Trần Anh T10 bị phạt tù ở mức gần đầu khung tại khoản 1 Điều 188 Bộ luật Hình sự và bị cáo L bị phạt tiền ở mức cuối khung tại khoản 3 Điều 188 Bộ luật Hình sự là đã có xét đến tình hình tài sản của các bị cáo. Bản thân các bị cáo đều không kháng cáo và đã chấp hành xong hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, sau khi bị cáo chấp hành xong hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 155/2022/HS-ST ngày 08/12/2022, bị cáo đã tích cực lao động, làm việc, góp phần cùng với Công ty Cổ phần P4 đạt thành tích xuất

sắc trong công tác nộp ngân sách nhà nước năm 2023 được Chủ tịch UBND Thành phố H tặng Bằng khen ngày 29/12/2023, được vinh danh doanh nghiệp xuất sắc đã đồng hành chung sức vì sự phát triển kinh tế thành phố năm 2023 được Cục Hải quan Thành phố H tặng Kỷ niệm chương. Các Bằng khen và tài liệu chứng minh đã cung cấp bổ sung gửi Hội đồng xét xử. Tình tiết mới này cũng thể hiện rằng, bị cáo L đã, đang và sẽ đóng góp tâm huyết, trí lực của mình cho lợi ích xã hội và theo Luật sư, điều đó cũng chứng tỏ sự đúng đắn của tinh thần cải cách tư pháp, đó là, tăng hình phạt tiền đối với tội phạm trong lĩnh vực kinh tế. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với bị cáo Trần Huy L.

Luật sư Hoàng Như V1 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh B trình bày: Bị cáo B là đồng phạm giúp sức cho các bị cáo khác trong vụ án thực hiện hành vi buôn lậu với hành vi mua xăng về để bán lẻ, thực hiện hành vi phạm tội gián tiếp. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo B đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra để làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Bị cáo B có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu. Bị cáo B đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan tiến hành tố tụng toàn bộ số tiền đã nộp phạt 3.100.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, bị cáo đã nộp lại 3.000.000.000 đồng và 300.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Gia đình bị cáo B có công với cách mạng, có cha là ông Nguyễn Công T1 tham gia trong cuộc Kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Nhà nước tặng nhiều giấy khen có xác nhận của chính quyền địa phương, là cháu ruột của Liệt sỹ, thương binh $\frac{3}{4}$, được tặng thưởng kỷ niệm chương. Bị cáo B có nhân thân tốt, bản thân bị cáo B trong quá trình lao động có nhiều đóng góp cho xã hội, cộng đồng được nhiều địa phương xác nhận. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Bình tích C4 phối hợp với các cơ quan đấu tranh phòng chống tội phạm, có giấy khen của công an, cũng tham gia thiện nguyện. Bị cáo không cần thiết bị cách ly khỏi xã hội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Trong trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận cho bị cáo hưởng án treo thì đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại số tiền bị cáo nộp phạt trong bản án trước đây để làm căn cứ thi hành án sau này.

Luật sư Hoàng Như V1 bào chữa cho bị cáo Phạm Thị C trình bày: Bị cáo C là đồng phạm giúp sức cho các bị cáo khác trong vụ án thực hiện hành vi buôn lậu là mua xăng về để bán lẻ. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo C đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra để làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Bị cáo C đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan tiến hành tố tụng toàn bộ số tiền là 12.500.000.000 đồng để khắc phục hậu quả và bị cáo cũng đã nộp tiền phạt 04 tỷ đồng do Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử và 300.000 đồng tiền án phí. Đồng thời bị cáo cũng đã bị tịch thu 02 xe bồn với giá trị gần 8.000.000.000 đồng. Bị cáo C có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, gia đình bị cáo C có công với cách mạng, có ông nội là ông Phạm Ngọc B3 trong kháng chiến chống Pháp đã nuôi giấu cán bộ du kích, có cha là ông Phạm Xuân H2 là Thanh niên xung phong trong Kháng chiến chống Mỹ cứu nước, có chồng là ông Đoàn Mạnh N1 là thương binh $\frac{4}{4}$. Bị cáo C đã lớn tuổi, sức khỏe không tốt, bị tăng huyết áp, suy tim, hở van 02 lá, bệnh tim thiếu máu cục bộ, rối loạn chuyển hóa

lipid, thoát vị đĩa đệm. Bị cáo C có cung cấp thêm giấy tham gia hoạt động thiện nguyện, thư ngỏ của hàng trăm lao động thuộc doanh nghiệp của bị cáo C. Bị cáo không cần thiết bị cách ly khỏi xã hội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Trong trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận cho bị cáo hưởng án treo thì đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại số tiền bị cáo nộp phạt trong bản án trước đây để làm căn cứ thi hành án sau này.

Luật sư Trần Thị Mộng T6 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Như M trình bày: Bị cáo mua xăng trôi nổi, không có hóa đơn chứng từ, bị cáo không biết đây là xăng nhập lậu, thời gian bị cáo kinh doanh rất ngắn, vai trò bị cáo là thứ yếu trong vụ án đồng phạm. Ngoài ra bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết “phạm tội hai lần trở lên” đối với bị cáo là không chính xác. Xét về nhân thân bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bản thân bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi sai phạm của mình. Trong giai đoạn điều tra bị cáo chủ động đề nghị gia đình nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính. Bị cáo nhận được hành vi của bị cáo là sai trái và đã tự nguyện nộp xong. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, trong thời gian tại ngoại bị cáo và gia đình đã đóng góp cho nhiều hoạt động thiện nguyện của địa phương và được tặng giấy khen. Bên cạnh đó bản thân bị cáo là giáo viên, chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, trong quá trình công tác được tặng thưởng nhiều Bằng khen. Đề Bản thân bị cáo đang điều trị bệnh trầm cảm từ nhiều năm nay. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Trần Huy L trình bày: Bản thân bị cáo sinh ra tại vùng đất nghèo, lúc trẻ đi bộ đội, đây là lần đầu bị cáo phạm tội. Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử chấp nhận cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Thanh B trình bày: Bị cáo đã biết việc làm sai trái của bị cáo. Bị cáo xin Hội đồng xét xử chấp nhận cho bị cáo hưởng án treo, làm người có ích cho xã hội.

Bị cáo Nguyễn Thị Như M trình bày: Bị cáo đã biết việc làm sai trái của bị cáo. Bị cáo xin Hội đồng xét xử chấp nhận cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo điều trị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Huy L, Phạm Thị C, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị Như M:

Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định. Do đó, đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[1.1] Từ ngày 25/10/2022 đến ngày 08/12/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã đưa vụ án “Buôn lậu” ra xét xử với tổng cộng 74 bị cáo và ban hành Bản án số 155/2022/HS-ST. Sau khi xét xử sơ thẩm, 48 bị cáo kháng cáo và bị kháng

ngợi theo quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Từ ngày 05 đến ngày 17/4/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm và ban hành Bản án số 205/2023/HS-PT. Ngày 10/4/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ban hành Quyết định số 03/QĐ-VKSTC-V7, kháng nghị theo thủ tục Giám đốc thẩm đối với 10 bị cáo. Ngày 17/6/2024, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã mở phiên tòa Giám đốc thẩm và ban hành Quyết định số 13/2024/HS-GĐT, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, huỷ một phần Bản án hình sự phúc thẩm số 205/2023/HS-PT ngày 17/4/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và giữ nguyên quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 155/2022/HS-ST ngày 08/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai về phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Lê Thị Anh T18, Lê Thanh T19, Nguyễn Thanh T13, Phạm Thị H3; Huỷ một phần Bản án hình sự phúc thẩm số 205/2023/HS-PT ngày 17/4/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 155/2022/HS-ST ngày 08/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai về phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Trần Huy L, Phạm Thị C, Nguyễn Thanh B, Lê Hùng P, Nguyễn Thị Như M và Nguyễn Thăng L2 để xét xử sơ thẩm lại.

[1.2] Sau khi xét xử sơ thẩm có 05 bị cáo kháng cáo. Ngày 04/12/2024, bị cáo Nguyễn Thăng L2 có đơn xin rút đơn kháng cáo. Ngày 27/02/2025, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 05/2025/HSPT-QĐ đối với bị cáo Nguyễn Thăng L2.

[1.3] Bị cáo Phạm Thị C có đơn xin hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy việc bị cáo xin hoãn phiên tòa không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan và sự vắng mặt của bị cáo không gây cản trở cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét về tội danh, hành vi phạm tội của các bị cáo:

- Đối với bị cáo Trần Huy L là Giám đốc Công ty P4, ngành nghề kinh doanh chính là bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, có trụ sở tại địa chỉ số C, đường N, khu phố M (P), phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ ngày 22/7/2020 đến ngày 05/02/2021, Trần Huy L đã dùng xe bồn của Công ty và thuê xe bồn của các công ty, cá nhân khác để mua xăng Ron 95 của Lê Thanh T9 từ kho N, huyện B, tỉnh Long An với số lượng 6.615.000 lít, trị giá 90.992.632.500 đồng, sau đó bán ra thị trường. Trần Huy L đã thu lợi từ việc mua bán xăng nhập lậu là 3.273.650.000 đồng. Sau khi trừ các khoản chi phí gồm chi phí hao hụt xăng, chi phí vận chuyển và một số chi phí khác là 781.939.558 đồng, Trần Huy L còn thu lợi bất chính số tiền 2.491.710.442 đồng.

- Đối với bị cáo Phạm Thị C là Giám đốc Công ty TNHH T21 chuyên kinh doanh lĩnh vực xăng dầu; có trụ sở tại số B, đường H, khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ ngày 27/7/2020 đến ngày 04/02/2021 Phạm Thị C đã mua xăng Ron 95 nhập lậu của Võ Thanh B1, Nguyễn Thanh T13 với số lượng 5.919.000 lít, trị giá 81.418.804.500 đồng để bán lẻ ra thị trường. Phạm Thị C đã thu lợi số tiền 12.630.000.000 đồng. Sau khi trừ đi các khoản chi phí như chi phí hao hụt xăng, chi phí vận chuyển và một số chi phí khác là 2.872.396.588 đồng, C còn thu lợi bất chính 9.757.703.412 đồng.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thanh B là Giám đốc Công ty B4, chuyên kinh doanh xăng dầu, có trụ sở tại số A, đường N, khu phố E, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ đầu tháng 3/2020 đến ngày 31/01/2021, Nguyễn Thanh B đã mua xăng Ron 95 nhập lậu của Nguyễn Hữu T14 với tổng số lượng 2.394.663 lít, trị giá 30.646.315.943 đồng để bán lẻ ra thị trường. Nguyễn Thanh B thu lợi 4.004.863.000 đồng. Sau khi trừ các chi phí là 895.537.877 đồng, Nguyễn Thanh B còn thu lợi bất chính số tiền 3.109.325.123 đồng.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Như M là Giám đốc Công ty TNHH V3, chuyên kinh doanh trong lĩnh vực xăng dầu, có trụ sở tại địa chỉ số H, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Từ ngày 14/9/2020 đến 01/02/2021, Nguyễn Thị Như M đã mua của Võ Thanh B1, Nguyễn Thanh T13 tổng cộng 1.200.000 lít xăng Ron 95, trị giá 16.580.520.000 đồng để bán ra thị trường. Nguyễn Thị Như M đã thu lợi 2.591.300.000 đồng. Sau khi trừ các khoản chi phí là 702.799.000 đồng, Nguyễn Thị Như M còn thu lợi bất chính số tiền 1.888.501.000 đồng.

Hành vi trên của các bị cáo đã có đủ cơ sở xác định các bị cáo Trần Huy L, Phạm Thị C, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị Như M đã phạm vào tội “Buôn lậu” được quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều 188 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo Trần Huy L, Phạm Thị C, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị Như M gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo đều là những người kinh doanh trong lĩnh vực xăng dầu nên biết rõ mặt hàng xăng Ron 95 do các bị cáo mua trong vụ án đều không có hoá đơn, chứng từ, xăng có nguồn gốc bất hợp pháp. Mặc dù các bị cáo không trực tiếp mua hàng lậu từ nước ngoài và đưa vào lãnh thổ Việt Nam; không bàn bạc, hứa hẹn về việc buôn lậu hoặc tiêu thụ nguồn xăng nhập lậu, nhưng các bị cáo đều là chủ doanh nghiệp, khi biết có nguồn xăng giá rẻ, không có hóa đơn, họ đã mua để bán lại nhằm mục đích kiếm lời bất hợp pháp và mở rộng thị trường kinh doanh. Hành vi của các bị cáo gây ra đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, gây ảnh hưởng đến sự ổn định và phát triển kinh tế đất nước. Các bị cáo đã phạm tội nhiều lần và trong thời gian dài, hàng hoá có giá trị lớn và thu lợi bất chính số tiền trên 1.000.000.000 đồng nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng định khung trách nhiệm hình sự “Vật phạm pháp trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên”, “T20 lợi bất chính 1.000.000.000 đồng trở lên” theo quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần

xử phạt các bị cáo mức án thật nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người tốt, đồng thời cũng để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo Trần Huy L, Phạm Thị C, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị Như M đều xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy:

Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tất cả các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo như:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Trần Huy L, Phạm Thị C, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị Như M đã nhiều lần mua xăng nhập lậu về bán nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội; Các bị cáo đều đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính. Ngoài ra, các bị cáo còn có tình tiết giảm nhẹ như sau:

+ Bị cáo Trần Huy L có cha tên Trần N được tặng “Huân chương kháng chiến hạng ba” năm 1962, “Huân chương kháng chiến hạng nhất” năm 1985; nhiều năm liền, ông Trần N được Bộ trưởng Bộ G2 và Ủy ban hành chính tỉnh H tặng nhiều Bằng khen; ông Trần N còn được tặng danh hiệu “Dũng sĩ”, có giấy chứng nhận thành tích lập công dân Bậc. Mẹ bị cáo tên Trần Thị T được thưởng “Huy chương kháng chiến hạng nhì” và có giấy chứng nhận thành tích lập công dân Bậc. Ông Trần N và bà Trần Thị T được Chính phủ tặng “Bảng Gia đình vẻ vang”. Ngoài ra, bị cáo có anh ruột tên Trần Đức H4 được tặng “Huân chương kháng chiến hạng ba” và là Liệt sĩ. Bản thân bị cáo cũng có thời gian công tác trong quân đội và được Chủ tịch UBND Thành phố H tặng Bằng khen năm 2018.

+ Bị cáo Nguyễn Thanh B đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra (điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự), giúp nhanh chóng phát hiện hành vi phạm tội của các bị cáo khác. Bị cáo có nhiều đóng góp cho địa phương xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh và được tặng nhiều giấy khen.

+ Bị cáo Phạm Thị C có cha tên Phạm Xuân M1 tham gia cách mạng và được tặng thưởng nhiều huân, huy chương.

+ Bị cáo Nguyễn Thị Như M có chồng tên Lê Xuân T4 công tác trong lực lượng vũ trang nhân dân và được tặng thưởng nhiều huy chương. Cha bị cáo tên Nguyễn T3 được tặng “Huân chương kháng chiến hạng Nhì”, do có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Trần Huy L, Phạm Thị C, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị Như

M đều tham gia vụ án với vai trò đồng phạm giản đơn. Các bị cáo không bàn bạc, câu kết chặt chẽ để nhập lậu xăng dầu từ nước ngoài về Việt Nam. Khi thấy có nguồn xăng rẻ, các bị cáo biết rõ nguồn gốc bất hợp pháp nhưng vẫn mua về để bán ra thị trường nhằm mục đích kiếm lời. Do đó, trên cơ sở phân hoá mức độ tham gia của từng bị cáo trong vụ án; mức án của các bị án trong cùng vụ án đã có hiệu lực pháp luật; căn cứ số lượng xăng lậu các bị cáo mua bán, giá trị hàng hoá và số tiền thu lợi bất chính; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc cá thể hoá hình phạt đối với từng bị cáo cho phù hợp, đảm bảo tính nghiêm minh và công bằng của pháp luật. Trong đó, bị cáo Trần Huy L mua với số lượng 6.615.000 lít, trị giá 90.992.632.500 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.491.710.442 đồng; Phạm Thị C đã mua với số lượng 5.919.000 lít, trị giá 81.418.804.500 đồng, thu lợi bất chính 9.757.703.412 đồng; Nguyễn Thanh B mua số lượng 2.394.663 lít, trị giá 30.646.315.943 đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.109.325.123 đồng; Nguyễn Thị Như M mua số lượng 1.200.000 lít xăng, trị giá 16.580.520.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.888.501.000 đồng.

Do vậy, sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử các bị cáo Trần Huy L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, Phạm Thị C 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, Nguyễn Thanh B 01 (một) năm 11 (mười một) tháng tù, Nguyễn Thị Như M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù theo tội danh và điều luật đã viện dẫn trên là rất nhẹ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo L và bị cáo B xuất trình một số tình tiết giảm nhẹ mới như: Bị cáo B có thành tích giúp Cơ quan điều tra phát hiện tội phạm khác (điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự). Như đã phân tích mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử đối với các bị cáo rất nhẹ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo (các bị cáo bị xét xử về tội “Buôn lậu” theo quy định tại khoản 4 Điều 188 của Bộ luật Hình sự có mức hình phạt từ 12 đến 20 năm tù. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Huy L, Phạm Thị C, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị Như M, cần giữ nguyên bản sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trần Huy L, Phạm Thị C, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị Như M phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 348; khoản 2 Điều 290; điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thăng L2. Bản án sơ thẩm xét xử đối với bị cáo Nguyễn Thăng L2 có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Huy L, Phạm Thị C, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị Như M. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 240/2024/HSST ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Huy L, Nguyễn Thanh B, Lê Hùng P, Phạm Thị C, Nguyễn Thị Như M, Nguyễn Thăng L2 phạm tội “Buôn lậu”.

2. Áp dụng điểm a, b khoản 4, 5 Điều 188; điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54; Điều 58; Điều 38 và khoản 2, Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Huy L.

Xử phạt bị cáo Trần Huy L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 07/4/2021 đến ngày 21/7/2021.

3. Áp dụng điểm a, b khoản 4, 5 Điều 188; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54; Điều 58; Điều 38 và khoản 2, Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Thị C và bị cáo Nguyễn Thị Như M.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị C 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 25/3/2021 đến ngày 10/5/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Như M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 18/5/2021 đến ngày 09/3/2022.

4. Áp dụng điểm a, b khoản 4, 5 Điều 188; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54; Điều 58; Điều 38 và khoản 2, Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thanh B:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B 01 (một) năm 11 (mười một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 01/11/2021 đến ngày 14/3/2022.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trần Huy L, Phạm Thị C, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị Như M, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Đồng Nai; (9)
- VKSND tỉnh Đồng Nai; (1)
- Công an tỉnh Đồng Nai; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai; (1)
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai; (1)
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (9)
- Lưu VT (5), HS (2) (Án-Tâm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Duyên